

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL21BTS** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH05285** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Thực tập tốt nghiệp**
Số tín chỉ: **5**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTPL0359	Lê Lộc Duy	19/05/1986				10	10.0	10.0			9.5		9.7
2	21BTPL0360	Khuru Thị Bích Đào	02/07/2000				9.5	9.5	9.5			9.5		9.5
3	21BTPL0367	Trần Thị Ngọc Mai	19/04/2003				6.5	6.5	6.5			9.0		8.0
4	21BTPL0368	Quách Văn Măng	/ /1991				9	9.0	9.0			9.0		9.0
5	21BTPL0369	Lê Trung Nam	04/08/1980				10	10.0	10.0			9.5		9.7
6	21BTPL0371	Phan Thị Mỹ Phương	23/10/2002				9.5	9.5	9.5			9.5		9.5
7	21BTPL0375	Nguyễn Thị Lệ Thu	12/08/1988				9	9.0	9.0			9.0		9.0
8	21BTPL0379	Lê Phước Trung	15/10/1984				9.5	9.5	9.5			9.5		9.5
9	21BTPL0380	Lê Văn Tuấn	24/04/1986				10	10.0	10.0			9.5		9.7
10	21BTPL0575	Đặng Thị Út	19/09/1988				9.5	9.5	9.5			9.5		9.5
11	21BTPL0582	Võ Thị Duyên	29/07/1997				9.5	9.5	9.5			9.5		9.5
12	21BTPL0587	Nguyễn Văn Điền	07/03/1988				9.5	9.5	9.5			9.5		9.5
13	21BTPL0588	Nguyễn Thanh Hải	01/01/1968				9.5	9.5	9.5			9.5		9.5

Châu Đốc, ngày 25 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền